

Số: **13** /QĐ-HĐTSĐHVLVH

Hải Phòng, ngày **29** tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học, hình thức vừa làm vừa học,  
đợt 1, năm 2023, ngành Giáo dục Mầm non

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC  
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

Căn cứ Quyết định số 60/2004/QĐ-TTg ngày 09/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng thành Trường Đại học Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-ĐHHP ngày 05/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Đề án tuyển sinh Trường Đại học Hải Phòng năm 2023

Căn cứ Quyết định số 2943/QĐ-ĐHHP ngày 05/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Hải Phòng;


Căn cứ Quyết định số 3366/QĐ-ĐHHP ngày 21/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án tuyển sinh Trường Đại học Hải Phòng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-ĐHHP ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học, hình thức vừa làm vừa học, năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 4267/TB-ĐHHP ngày 25/8/2023 của Trường Đại học Hải Phòng về việc Tuyển sinh trình độ đại học, hình thức vừa làm vừa học, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 5322/QĐ-ĐHHP ngày 23/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh đại học, hình thức vừa làm vừa học, năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20/12/2023 của Hội đồng tuyển sinh đại học, hình thức vừa làm vừa học, năm 2023;

Theo văn bản đề nghị ngày 29/12/2023 của Trưởng ban Xét tuyển đại học, hình thức vừa làm vừa học, đợt 1, năm 2023. 



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 137 (một trăm ba mươi bảy) thí sinh trúng tuyển đại học, hình thức vừa làm vừa học, năm 2023, ngành Giáo dục Mầm non. Trong đó:

Stt	Chương trình đào tạo	Số thí sinh trúng tuyển	Ghi chú
1	Liên thông từ trình độ cao đẳng	94	
2	Liên thông từ trình độ trung cấp	43	
<b>Tổng cộng</b>		<b>137</b>	

(Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Các Ông/Bà: Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo thường xuyên; Trưởng Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non; Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính; các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND TP Hải Phòng (để báo cáo);
- ĐU, HĐT (để báo cáo);
- HT, các PHT (để chỉ đạo);
- HĐTSĐHVLVH (để thực hiện);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT; TT.NN, TH&ĐTTX.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Bùi Xuân Hải**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MÀM NON  
LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG**

**Hình thức vừa làm vừa học, năm 2023**

(Theo Quyết định số: **13** /QĐ-HĐTSDHVLVH, ngày **29** tháng 12 năm 2023)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Năm TN	Điểm xét tuyển		Ghi chú
							T10	T4	
1	Lương Thị Thu	Trang	26/12/1991	Nữ	Thái Bình	2017	8.21		
2	Trần Thị	Thúy	20/03/1994	Nữ	Thái Bình	2017	8.39		
3	Trần Thị	Thảo	19/12/1990	Nữ	Thái Bình	2017	8.36		
4	Trần Thị	Thuận	23/10/1987	Nữ	Thái Bình	2017	8.35		
5	Nguyễn Thị	Hương	25/08/1989	Nữ	Thái Bình	2017	8.30		
6	Phạm Thị	Hiền	13/03/1986	Nữ	Thái Bình	2017	8.18		
7	Đỗ Thị	Hiền	16/05/1989	Nữ	Thái Bình	2017	8.18		
8	Vũ Thị	Phương	06/11/1992	Nữ	Thái Bình	2017	8.12		
9	Lê Thị Thu	Thảo	07/12/1994	Nữ	Thái Bình	2017	8.02		
10	Đào Thị	Thủy	27/07/1990	Nữ	Thái Bình	2017	8.02		
11	Nguyễn Thị	Hòa	20/07/1992	Nữ	Thái Bình	2017	8.02		
12	Trần Thị	Diệp	16/03/1983	Nữ	Thái Bình	2017	8.01		
13	Vũ Thị Hồng	Sim	09/02/1978	Nữ	Thái Bình	2017	8.01		
14	Phạm Thị	Nhài	05/07/1986	Nữ	Thái Bình	2017	7.94		
15	Vũ Thị	Lan	28/10/1988	Nữ	Thái Bình	2017	7.91		
16	Trần Thị	Nhàn	02/10/1980	Nữ	Thái Bình	2017	7.91		
17	Phạm Thị	Hạnh	12/08/1990	Nữ	Thái Bình	2017	7.91		
18	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	02/09/1993	Nữ	Thái Bình	2017	7.90		
19	Phạm Thị	Hiền	14/01/1985	Nữ	Thái Bình	2017	7.89		
20	Nguyễn Thị	Hương	20/05/1978	Nữ	Thái Bình	2017	7.88		
21	Nguyễn Thị	Xoan	06/01/1994	Nữ	Thái Bình	2017	7.86		
22	Nguyễn Thị Huyền	Anh	14/04/1983	Nữ	Thái Bình	2017	7.85		
23	Đào Thị	Tuyết	07/09/1993	Nữ	Thái Bình	2017	7.83		
24	Đỗ Thị Thanh	Huyền	17/07/1994	Nữ	Thái Bình	2017	7.80		
25	Phạm Thị	Thắm	01/12/1992	Nữ	Thái Bình	2017	7.80		
26	Cao Thị	Nhàn	16/11/1996	Nữ	Thái Bình	2017	7.79		
27	Nguyễn Hiền	Lương	17/09/1983	Nữ	Thái Bình	2017	7.78		
28	Lại Thị	Thủy	26/09/1980	Nữ	Thái Bình	2017	7.71		
29	Nguyễn Thị	Hòa	14/09/1993	Nữ	Thái Bình	2017	7.70		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Năm TN	Điểm xét tuyển		Ghi chú
							T10	T4	
30	Vũ Thị	Minh	25/09/1983	Nữ	Thái Bình	2017	7.69		
31	Nguyễn Thị	Duyên	02/10/1993	Nữ	Thái Bình	2017	7.68		
32	Đỗ Thị	Mọn	10/01/1984	Nữ	Thái Bình	2017	7.67		
33	Nguyễn Thị	Hoài	20/10/1986	Nữ	Thái Bình	2017	7.67		
34	Nguyễn Thị	Thuy	29/07/1990	Nữ	Thái Bình	2017	7.64		
35	Tô Thu	Hà	17/02/1980	Nữ	Thái Bình	2017	7.62		
36	Mai Thị	Thảo	18/10/1985	Nữ	Thái Bình	2017	7.61		
37	Nguyễn Thị	Hường	01/12/1987	Nữ	Thái Bình	2017	7.60		
38	Trần Thị	Diệp	02/02/1992	Nữ	Thái Bình	2017	7.57		
39	Lưu Thị	Bông	22/03/1992	Nữ	Thái Bình	2017	7.54		
40	Vũ Thị	Miên	29/01/1991	Nữ	Thái Bình	2017	7.53		
41	Vũ Thị	Huế	17/08/1997	Nữ	Thái Bình	2017	7.52		
42	Phạm Thị	Hoa	01/10/1979	Nữ	Thái Bình	2017	7.52		
43	Vũ Thị Lan	Anh	06/11/1994	Nữ	Thái Bình	2017	7.89		
44	Phạm Thị	Hương	26/02/1971	Nữ	Thái Bình	2017	7.50		
45	Phạm Thị	Nhàn	10/02/1987	Nữ	Thái Bình	2017	7.50		
46	Trần Thị	Liễu	23/01/1986	Nữ	Thái Bình	2017	7.49		
47	Nguyễn Thị	Tuyết	27/04/1986	Nữ	Thái Bình	2017	7.49		
48	Trần Thị	Hạ	20/08/1991	Nữ	Thái Bình	2017	7.49		
49	Nguyễn Thị	Thơ	08/08/1992	Nữ	Thái Bình	2017	7.35		
50	Phạm Thị	Vân	20/05/1992	Nữ	Thái Bình	2017	7.32		
51	Phạm Thị	Sáng	26/09/1989	Nữ	Thái Bình	2017	7.30		
52	Trần Thị	Thoa	22/05/1996	Nữ	Thái Bình	2017	7.29		
53	Ngô Thanh	Tân	25/01/1985	Nữ	Thái Bình	2017	7.27		
54	Đặng Thị	Loan	20/02/1994	Nữ	Thái Bình	2017	6.95		
55	Phạm Thị	Huyền	25/12/1972	Nữ	Thái Bình	2017	7.14		
56	Đoàn Thị	Tuyền	08/10/1984	Nữ	Thái Bình	2017	7.11		
57	Phan Thị	Tuyết	21/05/1986	Nữ	Thái Bình	2017	7.11		
58	Lê Thị	Hoa	01/10/1982	Nữ	Thái Bình	2017	7.09		
59	Bùi Thị	Nhạn	21/07/1980	Nữ	Thái Bình	2017	6.80		
60	Nguyễn Thị Hoài	Thu	10/12/1997	Nữ	Khánh Hòa	2017	6.51		
61	Phạm Khánh	Chi	11/10/2001	Nữ	Thái Bình	2017		3.02	
62	Vũ Thị	Hoán	20/10/1979	Nữ	Hà Nội	2002	6.68		
63	Kiều Thị	Thơ	25/04/1995	Nữ	Hà Nội	2016	8.39		
64	Phan Thị	Phương	28/02/1993	Nữ	Hà Nam	2022	8.18		
65	Khuất Thị	Thiện	30/12/1982	Nữ	Hà Nội	2014	7.91		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Năm TN	Điểm xét tuyển		Ghi chú
						T10	T4	
66	Nguyễn Thị Nguyên	26/03/1990	Nữ	Hà Nội	2023	7.83		
67	Đỗ Thị Thanh Mai	19/08/1993	Nữ	Hà Nội	72018	7.79		
68	Nguyễn Thị Vân	23/07/1982	Nữ	Hà Nội	2014	7.77		
69	Nguyễn Thị Huệ	13/05/1986	Nữ	Hà Nội	2021	7.63		
70	Nguyễn Thị Huế	30/11/1991	Nữ	Hà Nội	2014	7.45		
71	Đào Thu Hà	05/02/1996	Nữ	Hưng Yên	2018	7.41		
72	Đào Thị Thu Chang	03/04/1991	Nữ	Hưng Yên	2021	7.40		
73	Bùi Thị Nguyệt	05/05/1990	Nữ	Hưng Yên	2018	7.38		
74	Hồ Thị Hiên	20/07/1991	Nữ	Nghệ An	2012	7.25		
75	Nguyễn Thị Thương	15/03/1990	Nữ	Hà Nội	2011	7.12		
76	Lê Thị Hiền	11/02/1989	Nữ	Hà Nội	2014	7.07		
77	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/10/1990	Nữ	Hà Nội	2016	7.06		
78	Nguyễn Thị Thu Hà	16/11/1992	Nữ	Hà Nội	2014	7.04		
79	Lê Thị Vân Anh	21/09/1990	Nữ	Hà Nội	2011	6.80		
80	Phạm Thị Huyền	27/12/1992	Nữ	Hải Phòng	2022	8.39		
81	Tạ Thị Thanh Hương	25/03/1989	Nữ	Hải Phòng	2010	7.50		
82	Lưu Thị Hiền	25/01/1986	Nữ	Hải Phòng	2014	7.42		
83	Lê Thị Hương	24/03/1985	Nữ	Hải Phòng	2014	7.46		
84	Phạm Thị Miện	08/08/1981	Nữ	Hải Phòng	2015	7.40		
85	Nguyễn Thị Yên	25/01/1990	Nữ	Hải Phòng	2016	7.37		
86	Phạm Thị Thanh Huyền	13/12/1989	Nữ	Hải Phòng	2014	7.35		
87	Vũ Thị Biền	06/03/1986	Nữ	Hải Phòng	2014	7.22		
88	Phạm Thị Thanh Thủy	18/04/1982	Nữ	Hải Phòng	2014	7.21		
89	Đặng Thị Hà	08/12/1987	Nữ	Hải Phòng	2015	7.20		
90	Trần Thị Toan	17/02/1985	Nữ	Thái Bình	2015	7.19		
91	Nguyễn Thị Yên	30/07/1987	Nữ	Hải Phòng	2009	6.96		
92	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/11/1989	Nữ	Hà Nội	2010	6.91		
93	Nguyễn Thị Thùy Dung	12/06/2001	Nữ	Hải Phòng	2023		3.20	
94	Nguyễn Thị Huyền	08/01/1994	Nữ	Hải Phòng	2016		2.88	

Danh sách này có 94 (chín mươi bốn) thí sinh trúng tuyển./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH  
  
 HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Xuân Hải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON  
LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP

Hình thức vừa làm vừa học, năm 2023

(Theo Quyết định số: **13** /QĐ-HĐTSDHVLVH, ngày **29** tháng 12 năm 2023)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Năm TN	Điểm xét tuyển		Ghi chú
							T10	T4	
1	Bùi Thị	Hương	30/09/1982	Nữ	Hải Phòng	2005	6.40		
2	Cao Thị Khánh	Huyền	26/12/1997	Nữ	Hải Phòng	2017	7.50		
3	Bùi Thị	Thủy	16/05/1989	Nữ	Hải Phòng	2013	7.50		
4	Trịnh Thị	Hòa	15/10/1995	Nữ	Hải Phòng	2015	7.50		
5	Cao Thị	Như	31/12/1997	Nữ	Hải Phòng	2017	8.20		
6	Phạm Thị	Hường	12/04/1991	Nữ	Hải Phòng	2018	8.07		
7	Bùi Thị	Phường	16/08/1990	Nữ	Hải Phòng	2017	8.00		
8	Dương Thị	Thúy	12/12/1996	Nữ	Hải Phòng	2016	8.00		
9	Phạm Thị	Dịu	01/10/1996	Nữ	Hải Phòng	2016	7.90		
10	Hoàng Thị	Châm	27/12/1996	Nữ	Hải Phòng	2016	7.90		
11	Hoàng Thị	Huệ	25/11/1994	Nữ	Hà Giang	2014	7.80		
12	Nguyễn Thị	Hương	03/09/1989	Nữ	Hải Phòng	2015	8.10		
13	Đặng Thị	Thía	27/03/1992	Nữ	Hải Phòng	2018	7.70		
14	Phạm Thị	Giang	23/07/1993	Nữ	Hải Phòng	2021	7.70		
15	Nguyễn Thị	Yến	02/07/1995	Nữ	Hải Phòng	2015	7.60		
16	Nguyễn Thị	Phượng	08/06/1985	Nữ	Hải Phòng	2021	7.60		
17	Nguyễn Thị	Phượng	09/03/1987	Nữ	Hải Phòng	2021	7.60		
18	Nghiêm Thị	Trang	09/07/1996	Nữ	Hải Phòng	2021	7.50		
19	Trần Thị Ngọc	Lan	04/07/1997	Nữ	Hải Phòng	2017	7.50		
20	Nguyễn Thị Bích	Thảo	27/06/1994	Nữ	Hải Phòng	2015	8.10		
21	Nguyễn Thị	Trang	11/01/2001	Nữ	Hải Phòng	2021	7.40		
22	Vũ Thị Thanh	Thủy	24/10/1980	Nữ	Hải Phòng	2014	7.30		
23	Phan Thị	Hải	15/10/1994	Nữ	Nghệ An	2014	7.00		
24	Nguyễn Thùy	Dung	13/10/1996	Nữ	Hải Phòng	2016	6.10		
25	Vũ Thị	Luyên	19/07/1973	Nữ	Hải Phòng	2009	5.98		
26	Đỗ Thị Kiều	Oanh	25/12/1988	Nữ	Hà Nội	2021	6.50		
27	Hoàng Thu	Trang	22/01/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	2017	8.50		
28	Phí Thị Thùy	Dương	30/07/1994	Nữ	Nam Định	2015	8.30		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Năm TN	Điểm xét tuyển		Ghi chú
							T10	T4	
29	Phùng Thị Thúy	Nga	11/02/1995	Nữ	Vinh Phúc	2017	7.60		
30	Nguyễn Thị	Huyền	09/11/1993	Nữ	Hà Nội	2015	7.50		
31	Nguyễn Thị	Chinh	16/05/1995	Nữ	Hà Nội	2015	7.40		
32	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	11/05/1990	Nữ	Hà Nội	2016	7.40		
33	Ngô Thị	Thanh	05/03/1990	Nữ	Hà Nội	2017	7.38		
34	Lê Thị	Liên	29/09/1991	Nữ	Bắc Giang	2021	7.50		
35	Nguyễn Thị	Thương	18/12/1993	Nữ	Hưng Yên	2021	7.20		
36	Đoàn Hoàng	Yến	06/01/1990	Nữ	Nam Định	2021	7.10		
37	Phan Thị	Hiên	29/04/1992	Nữ	Hưng Yên	2021	7.10		
38	Vũ Thị Thu	Thảo	08/08/1997	Nữ	Hưng Yên	2021	7.10		
39	Phan Thị Hải	Yến	12/08/1989	Nữ	Hưng Yên	2021	7.10		
40	Nguyễn Hồng	Minh	20/08/1990	Nữ	Bắc Giang	2013	6.80		
41	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/2000	Nữ	Hưng Yên	2021	7.00		
42	Võ Thị	Liên	10/10/1989	Nữ	Nghệ An	2021	7.00		
43	Bùi Thị	Thúy	24/04/1991	Nữ	Phú Thọ	2013	6.70		

Danh sách này có 43 (bốn mươi ba) thí sinh trúng tuyển./.

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
**CHỦ TỊCH**  
  
**HIỆU TRƯỞNG**  
 PGS.TS. Bùi Xuân Hải